ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 230 /TTr-UBND	*Hải Phòng, ngày 19 tháng 9 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc thành phố năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Quy định số 183-QĐ/TW ngày 06/02/2026 của Bộ Chính trị quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 323QĐ/BTCTW ngày 15/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Hải Phòng năm 2026. Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phương án giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc thành phố năm 2026, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 40-KL/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; giao biên chế của hệ thống chính trị năm 2026 và định hướng giai đoạn 2027 - 2031; Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

- Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị quyết số 106/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách.

- Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 06/02/2026 của Bộ Chính trị về biên chế các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương; cơ quan Mặt trận Tổ quốc, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các tỉnh, thành phố năm 2026.

- Quyết định số 323-QĐ/BTCTW ngày 15/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của thành phố Hải Phòng năm 2026.

- Công văn của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 2 cấp của Chính phủ: số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức CQĐP 02 cấp, về tổ chức bộ máy, CBCCVC khi thực hiện sắp xếp; số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

- Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về vị trí việc làm công chức; số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức; số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP.

3. Cơ sở thực tiễn

Năm 2026, trong thời gian Trung ương chưa giao biên chế, thành phố đã tạm giao biên chế, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động để bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Sau khi Trung ương giao biên chế năm 2026 tại Quyết định số 323-QĐ/BTCTW biên chế được giao thấp hơn số thành phố đã tạm giao. Vì vậy, thành phố cần rà soát, cân đối lại số đã tạm giao gắn với tình hình tổ chức bộ máy, số cán bộ, công chức, viên chức hiện có và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; xây dựng phương án giao biên chế chính thức năm 2026, bảo đảm tổng số biên chế không vượt chỉ tiêu Trung ương giao và phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

II. VỀ THẨM QUYỀN

Về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân: Theo quy định tại Điều 18 và điểm a khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: *"Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật".*

Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố: Khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Ủy ban nhân dân có nhiệm vụ: "Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, các điểm a, b, c, d, đ khoản 2, các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 15 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp".

Trong đó, điểm a khoản 2 Điều 15 quy định Hội đồng nhân *dân "quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật"*

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định biên chế và hợp đồng lao động năm 2026 của thành phố theo quy định.

III. TÌNH HÌNH TẠM GIAO VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

1. Biên chế cán bộ, công chức

1.1. Số biên chế cán bộ, công chức tạm giao năm 2026 là: **8.590 chỉ tiêu**. Trong đó:

- Cấp thành phố: **2.534** chỉ tiêu

- Cấp xã: **6.056** chỉ tiêu.

1.2. Tính đến ngày 15/9/2026, tổng số cán bộ, công chức có mặt là **7.159 người.** Trong đó:

- Cấp thành phố: **1.996** người;

- Cấp xã: **5.163** người.

2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

2.1.Tổng số lượng người làm việc tạm giao năm 2026 là: **71.876** chỉ tiêu.

Trong đó:

- Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **64.331** chỉ tiêu.

+ Cấp thành phố: **11.767** chỉ tiêu;

+ Cấp xã: **52.564** chỉ tiêu.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **7.545** chỉ tiêu.

+ Cấp thành phố: **7.325** chỉ tiêu;

+ Cấp xã: **220** chỉ tiêu.

2.2. Tổng số lượng người làm việc có mặt tính đến **15/9/2026** là: **65.160** người.

- Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **60.727** người;

+ Cấp thành phố: **11.176** người;

+ Cấp xã: **49.551** người.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **4.433** người.

+ Cấp thành phố: **4.302** người;

+ Cấp xã: **131** người.

3. Hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước

3.1. Tổng số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026 là: **5.586** chỉ tiêu.

- Cấp thành phố: **739** chỉ tiêu;

- Cấp xã: **4.847** chỉ tiêu.

3.2. Tổng số hợp đồng lao động có mặt tính đến 15/9/2026 là: **2.715** chỉ tiêu.

- Cấp thành phố: **157** người;

- Cấp xã: **2.558** người.

IV. BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC PHÂN BỔ NĂM 2026

1. Đối với biên chế cán bộ, công chức

Theo Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị và Quyết định số 323-QĐ/BTCTW ngày 15/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương, thành phố Hải Phòng được giao **10.825 chỉ tiêu** năm 2026.

Trên cơ sở tổng số biên chế Trung ương giao và số biên chế được đề xuất giao cho khối chính quyền tại Tờ trình số 858-/TTr/BTCTU ngày 18/9/2026 của Ban Tổ chức Thành ủy[1] **là 7.132 chỉ tiêu**, thấp hơn **1.458** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026. Trong đó:

+ Cấp thành phố: **1.994** chỉ tiêu;

+ Cấp xã: **5.138** chỉ tiêu.

Như vậy, số cán bộ, công chức có mặt của khối chính quyền tại thời điểm 15/9/2026 **cao hơn 27 người so với số biên chế được phân bổ; trong đó cấp thành phố cao hơn 02 người, cấp xã cao hơn 25 người.**

2. Đối với biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Theo Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị và Quyết định số 323-QĐ/BTCTW ngày 15/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương, thành phố Hải Phòng được giao **61.402** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2026.

Trên cơ sở tổng số viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Trung ương giao và số viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được đề xuất giao cho khối chính quyền tại Tờ trình số 858-/TTr/BTCTU ngày 18/9/2026 của Ban Tổ chức Thành ủy **là 61.125 chỉ tiêu, thấp hơn 3.206 chỉ tiêu** so với số tạm giao năm 2026.

Tại thời điểm 15/9/2026 các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền có **60.727 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước**, **thấp hơn 398** chỉ tiêu so với số biên chế được phân bổ năm 2026.

---

[1] Tờ trình số 858-/TTr/BTCTU ngày 18/9/2026 của Ban Tổ chức Thành ủy về việc quản lý và giao biên chế năm 2026

V. NGUYÊN TẮC GIAO BIÊN CHẾ NĂM 2026

1. Nguyên tắc chung

- Việc giao biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2026 bảo đảm không vượt tổng số biên chế Trung ương giao cho thành phố.

- Việc giao biên chế năm 2026 được xác định dựa trên tình hình quản lý, sử dụng biên chế, số cán bộ, công chức, viên chức hiện có và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm ổn định, không làm gián đoạn hoạt động trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Trong quá trình thực hiện, tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tình hình sử dụng biên chế để bố trí, sắp xếp biên chế phù hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổng số được giao.

2. Nguyên tắc giao biên chế cán bộ, công chức

2.1. Đối với cấp thành phố

Số biên chế dự kiến giao chính thức năm 2026 cơ bản được xác định trên cơ sở số công chức có mặt tại thời điểm 15/9/2026; giảm trừ số công chức nghỉ hưu đúng tuổi trong năm và giảm biên chế tại một số sở, ngành được tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập 02 cơ quan trước thời điểm hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm tổng số biên chế của khối chính quyền không vượt số được phân bổ. Đồng thời, xem xét giao bổ sung trên cơ sở số công chức hiện có đối với một số cơ quan để bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác tổ chức; trường hợp có chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan thì thực hiện điều chỉnh biên chế tương ứng với nhiệm vụ được chuyển giao.

2.2. Đối với cấp xã

Biên chế giao cho từng địa phương được xác định theo các nhóm tiêu chí sau:

- Đối với 02 đặc khu Cát Hải và Bạch Long Vĩ: giao bằng số có mặt tại thời điểm 15/9/2026 (cụ thể: Đặc khu Cát Hải: 105 biên chế, đặc khu Bạch Long Vĩ: 31 biên chế). Lý do:

+ Đặc khu Bạch Long Vĩ có diện tích, quy mô dân số nhỏ, cách xa đất liền và số lượng người làm việc hiện có đã bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

+ Đặc khu Cát Hải được hình thành trên cơ sở nguyên trạng 12 xã, thị trấn thuộc huyện đảo Cát Hải cũ. Là đặc khu hải đảo, địa bàn có tính chất đặc thù về kinh tế biển, du lịch, cảng biển - logistics, bảo tồn tài nguyên, di sản và bảo đảm quốc phòng, an ninh,…; do đó không áp dụng cơ học định mức chung của các xã, phường. Đề xuất giữ nguyên biên chế hiện có, sẽ thực hiện giảm dần khi có người nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.

- Đối với 112 xã, phường còn lại, biên chế giao cho từng địa phương được xác định theo công thức: **Biên chế giao = Định mức cán bộ, công chức theo tổ chức bộ máy và phân loại đơn vị hành chính + Biên chế tăng thêm theo quy mô dân số + Biên chế tăng thêm theo yếu tố đặc thù. Trong đó:**

(1) Định mức cán bộ, công chức theo cơ cấu tổ chức bộ máy, phân loại đơn vị hành chính:

Căn cứ kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND thành phố, xác định số lượng cán bộ cấp xã được bố trí và số lượng phòng chuyên môn (và tương đương) trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, số lượng công chức được bố trí tối thiểu được bố trí tại các phòng chuyên môn[2], cụ thể:

+ Xã, phường, đặc khu loại I: 07 cán bộ[3]; bố trí 5 phòng chuyên môn và tương đương[4]; bố trí bình quân 6,5 công chức/phòng *(gồm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và chuyên viên).*

+ Xã, phường, đặc khu loại II, loại III: 06 cán bộ[5]; bố trí 4 phòng chuyên môn và tương đương[6]; bố trí bình quân 7,0 công chức/phòng *(gồm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và chuyên viên).*

(2) Biên chế công chức tăng thêm theo quy mô dân số: Để bảo đảm biên chế không tăng cơ học theo quy mô dân số (một số địa phương có quy mô dân số rất lớn); đồng thời gắn việc bố trí biên chế với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ và khả năng cân đối trong tổng biên chế được giao; đề xuất lấy căn cứ: *"cứ tăng 3.000 dân so với tiêu chuẩn quy định thì được bố trí thêm 01 biên chế công chức"* để tính số lượng công chức cấp xã tăng thêm theo quy mô dân số[7].

(3) Xem xét yếu tố đặc thù để thực hiện bổ sung thêm số lượng công chức đối với các địa phương có yếu tố đặc thù và địa phương được xác định là đơn vị hành chính đặc biệt: Số công chức được bố trí tăng thêm theo yếu tố đặc thù là 05 biên chế cho 03 địa phương; cụ thể: *phường Hải An (đơn vị hành chính đặc biệt), phường Đông Hải (đơn vị hành chính đặc biệt), phường Nguyễn Trãi (là phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hải*

---

[2] Ngày 27/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 307/2025/NĐ-CPvề tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính, theo đó việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã căn cứ 04 tiêu chí gồm: (1) Quy mô dân số; (2) Diện tích tự nhiên; (3) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội (thu chi ngân sách; Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; Tỷ lệ dân số sử dụng/cung cấp nước sạch; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý; Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số); (4) Tiêu chí đặc thù (Dân số là người dân tộc/dân số quy đổi; có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận…). Như vậy, kết quả phân loại ĐVHC là tổng hợp các tiêu chí phản ánh chính xác khối lượng công việc và mức độ phức tạp trong quản lý nhà nước tại cơ sở nên việc tính toán định mức và phân bổ biên chế cán bộ, công chức cấp xã trước hết căn cứ vào kết quả phân loại ĐVHC.

[3] Gồm: Chủ tịch UBND 01 người; Phó Chủ tịch UBND 03 người; Phó Chủ tịch HĐND 01 người và Phó trưởng Ban HĐND: 02 người.

[4] Gồm: 03 phòng chuyên môn, Văn phòng HĐND&UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

[5] Gồm: Chủ tịch UBND 01 người; Phó Chủ tịch UBND 02 người; Phó Chủ tịch HĐND 01 người và Phó trưởng Ban HĐND: 02 người.

[6] Gồm: 02 phòng chuyên môn, Văn phòng HĐND&UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

[7] Tham khảo định hướng tại Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 của Ban chỉ đạo Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp "cứ tăng 2.000 dân so với tiêu chuẩn quy định thì được bố trí thêm 01 biên chế công chức".

Phòng giai đoạn 2026-2030 theo quyết định số 5391/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng).

(4) Mức biên chế tối đa:

Căn cứ quy định tại Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 của Ban chỉ đạo Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: *"...bố trí không quá 50 biên chế/xã và 70 biên chế/phường, đặc khu"* cùng các quy định về việc tăng định mức số lượng lãnh đạo, quản lý, tổ chức bộ máy, phòng chuyên môn thuộc cấp xã: (i) Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (ii) Nghị quyết số 106/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách; (iii) Nghị định số 370/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6 2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (iiii) Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố, xác định số lượng cán bộ cấp xã được bố trí và số lượng phòng chuyên môn (và tương đương) trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã:

Đề xuất tổng số biên chế xác định theo các tiêu chí nêu trên không vượt quá 65 biên chế/xã và 85 biên chế/phường (số biên chế tối đa được bố trí theo định hướng tại Công văn số 09/CV-BCĐ và biên chế tăng thêm theo định mức về lãnh đạo quản lý, phòng chuyên môn).

Trong trường hợp Trung ương có quy định mới về việc giao biên chế cán bộ, công chức sẽ thực hiện theo quy định mới của Trung ương

3. Nguyên tắc giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Việc giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện trong tổng số biên chế được phân bổ cho khối chính quyền; cơ bản căn cứ số biên chế hiện có của từng đơn vị để giao, bảo đảm ổn định tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Trên cơ sở **398** chỉ tiêu biên chế còn khả năng cân đối, trước hết bố trí **06** chỉ tiêu dự phòng để thực hiện phương án thu hút nhân sự và chuyển công chức sang làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập để giải quyết số biên chế cao hơn số Trung ương giao; **392** chỉ tiêu còn lại được phân bổ, trong đó cấp xã **300** chỉ tiêu, cấp thành phố **92** chỉ tiêu bảo đảm phù hợp yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng lĩnh vực, đơn vị.

3.1. Đối với cấp thành phố

Cơ bản giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên cơ sở số viên chức có mặt tại thời điểm 15/9/2026. Số biên chế còn khả năng cân đối

tập trung phân bổ cho lĩnh vực giáo dục, y tế và một số đơn vị sự nghiệp công lập khác; trong đó:

- Đối với lĩnh vực giáo dục**:** xem xét phân bổ thêm biên chế trên cơ sở số viên chức hiện có, quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2026–2027, tình hình thiếu biên chế và yêu cầu bố trí đội ngũ; đồng thời xem xét giao biên chế đối với cơ sở giáo dục mới được tiếp nhận nhưng trước đó chưa được giao biên chế.

- Đối với lĩnh vực y tế: trên cơ sở số viên chức hiện có, xem xét phân bổ thêm biên chế đối với các đơn vị còn thiếu nhiều so với định mức số lượng người làm việc theo quy định.

- Đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập khác: xem xét phân bổ thêm biên chế để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cấp thiết, đột xuất, phức tạp và thu hút nhân lực theo yêu cầu vị trí việc làm.

3.2. Đối với cấp xã

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục

Tính định mức số người làm việc theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGD&ĐT và Thông tư số 20/2023/TT-BGD&ĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

- Đối với đơn vị nhóm 4 (ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên): Trước mắt giao bằng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước có mặt tại thời điểm ngày 15/9/2026.

- Đối với đơn vị nhóm 3 tự chủ dưới 70% (tự bảo đảm một phần chi thường xuyên): Trước mắt giao bằng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước có mặt tại thời điểm ngày 15/9/2026; phần chênh lệch còn lại theo định mức thì giao người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp.

b) Đối với các Trạm Y tế cấp xã

- Giao bằng số có mặt tại thời điểm ngày 15/9/2026.

- Đối với các Trạm được giao dưới 27 biên chế (biên chế bình quân được giao tại mỗi trạm): tạm thời bổ sung 01 biên chế/trạm y tế để bố trí làm nhiệm vụ kế toán. Lý do:

Giai đoạn trước ngày 01/01/2026: Trạm Y tế cấp xã là bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế khu vực. Số lượng người làm việc thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT với định mức bình quân từ 05 đến 07 người/trạm (tối thiểu 05 người/trạm và tăng thêm theo hệ số điều chỉnh khu vực, quy mô dân số).

Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến nay: Trạm Y tế cấp xã chuyển đổi mô hình, trở thành đơn vị sự nghiệp công lập độc lập trực thuộc UBND cấp xã. Cơ

cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ được thực hiện theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 53/2025/TT-BYT) của Bộ Y tế. Mô hình mới quy định Trạm Y tế được tổ chức các khoa, phòng chuyên môn và các bộ phận phụ trợ như hành chính, kế toán...

Tuy nhiên, hiện nay số lượng biên chế tạm giao cho các Trạm Y tế cấp xã vẫn giữ nguyên trạng theo định mức cũ, chưa được điều chỉnh tương ứng với mô hình tổ chức bộ máy và yêu cầu vị trí việc làm mới của đơn vị sự nghiệp độc lập (nhất là vị trí kế toán các Trạm hiện nay đều phải thực hiện kiêm nhiệm bởi một đơn vị khác trong khi chưa có chỉ tiêu, con người).

Do đó, cần ưu tiên cân đối, bổ sung biên chế cho lĩnh vực y tế cơ sở (nhất là biên chế kế toán Trạm); đồng thời rà soát nhu cầu thực tế của các đơn vị sự nghiệp y tế cấp thành phố và cấp xã để phân bổ hợp lý, bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và đáp ứng yêu cầu vận hành thực tế của hệ thống y tế trên địa bàn thành phố.

c) Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã

- Người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước:

+ Đối với đơn vị đang được tạm giao từ 15 người làm việc trở xuống: trước mắt tiếp tục giao bằng số biên chế tạm giao năm 2026.

+ Đối với đơn vị đang được tạm giao trên 15 người làm việc: giao bằng số biên chế có mặt.

+ Đồng thời, bổ sung biên chế để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ mới; trong đó tính toán bổ sung nhân lực thực hiện nhiệm vụ khuyến nông và biên chế để xem xét bố trí, tiếp nhận công chức vào vị trí việc làm viên chức theo quy định.

Lý do: Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiều nhóm dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, đa ngành, đa lĩnh vực, như: văn hóa, du lịch; thể dục, thể thao; thông tin, truyền thông, chuyển đổi số; nông nghiệp, khuyến nông; quản lý chợ, đô thị; một số đơn vị còn được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án, đất đai. Theo định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy và phân cấp nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của các Trung tâm tiếp tục được mở rộng sang một số lĩnh vực như tài nguyên, môi trường; giao thông, xây dựng; công thương, khuyến công; tư pháp; lao động, việc làm, an sinh xã hội; đăng ký đất đai.

Trong khi chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc ngày càng tăng, số lượng biên chế được tạm giao cho các Trung tâm hiện còn thấp, bình quân khoảng 6,2 biên chế/đơn vị, số có mặt bình quân khoảng 05 người/đơn vị, chưa tương xứng với phạm vi nhiệm vụ được giao. Vì vậy, cần thiết phải rà soát, bổ sung biên chế để bảo đảm nhân lực thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nhất là các nhiệm vụ mới được tiếp nhận trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Bên cạnh đó, từ tháng 11/2025, sau khi chuyển giao chức năng, nhiệm vụ khuyến nông từ Sở Nông nghiệp và Môi trường về Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã, các đơn vị chưa được bổ sung biên chế viên chức tương ứng mà phải

bố trí nhân lực theo hình thức hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đến nay, theo quy định hiện hành, việc tiếp tục sử dụng hình thức hợp đồng này không còn phù hợp; do đó cần bổ sung biên chế viên chức để bảo đảm nhân lực thực hiện ổn định, thường xuyên nhiệm vụ khuyến nông tại cơ sở.

Đồng thời, trong quá trình rà soát, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, dự kiến bố trí **25 biên chế viên chức** tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã để xem xét tiếp nhận, bố trí công chức vào vị trí việc làm viên chức đối với các trường hợp đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, phù hợp nhu cầu sử dụng và theo quy định.

- Người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp: Trước mắt giao bằng số có mặt tại thời điểm ngày 15/9/2026.

Trong trường hợp Trung ương có quy định mới về định mức người làm việc đối với các trung tâm sự nghiệp công thì thực hiện điều chỉnh theo quy định của Trung ương.

***d) Đối với 02 đơn vị đặc thù khác thuộc đặc khu Bạch Long Vĩ*:** Giao bằng số tạm giao năm 2026.

4. Hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Giao số hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ, trong đó:

a) Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Giao 70% hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước là chênh lệch giữa số người làm việc được giao với số định mức theo quy định đối với các đơn vị nhóm 4.

b) Trạm Y tế:

- Trong thời gian Trung ương chưa ban hành định mức người làm việc đối với Trạm Y tế cấp xã theo mô hình hiện nay; trước mắt, giao số hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị theo nguyên tắc sau:

+ Đối với đơn vị có số hợp đồng lao động thực tế có mặt thấp hơn số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026: giao số hợp đồng lao động bằng số tạm giao năm 2026.

+ Đối với đơn vị có số hợp đồng lao động thực tế có mặt cao hơn số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026: giao số hợp đồng lao động bằng số thực tế có mặt, đảm bảo tổng số biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động giao năm 2026 của các đơn vị không vượt quá tổng số biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động tạm giao năm 2026.

- Đối với đơn vị chưa có nhân viên kế toán và chưa được bổ sung chỉ tiêu biên chế thực hiện nhiệm vụ kế toán: bổ sung 01 hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ kế toán.

c) Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã

Giao hợp đồng lao động đối với đơn vị nhóm 3 tự chủ từ 10% đến dưới

70%, cụ thể:

- Hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách nhà nước: Giao bằng số tạm giao năm 2026.

- Xem xét bổ sung hợp đồng lao động hưởng lương nguồn thu sự nghiệp đối với một số đơn vị để thực hiện nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn và phù hợp với mức độ tự chủ của đơn vị.

***d) Đơn vị sự nghiệp đặc thù khác*:** giao bằng số tạm giao năm 2026.

VI. PHƯƠNG ÁN GIAO BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2026

Trên cơ sở số biên chế phân bổ cho khối chính quyền, tình hình quản lý, sử dụng biên chế và các nguyên tắc nêu trên, Sở Nội vụ đề xuất phương án giao biên chế năm 2026 như sau:

1. Biên chế cán bộ, công chức

- Tổng số biên chế tạm giao năm 2026: **8.590** chỉ tiêu;

- Tổng số biên chế có mặt thời điểm 15/9/2026: **7.159** chỉ tiêu;

- Tổng số biên chế đề xuất giao năm 2026: **7.132** chỉ tiêu, **giảm 1.458** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026, giảm **27** chỉ tiêu so với số có mặt.

1.1. Đối với cấp thành phố

Số biên chế dự kiến giao chính thức năm 2026 cơ bản được xác định trên cơ sở số công chức có mặt tại thời điểm 15/9/2026; giảm trừ số công chức nghỉ hưu đúng tuổi trong năm và giảm biên chế tại một số sở, ngành được tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập 02 cơ quan trước thời điểm hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm tổng số biên chế của khối chính quyền không vượt số được phân bổ. Đồng thời, xem xét giao theo số công chức hiện có đối với một số cơ quan để bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ; trường hợp có chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan thì thực hiện điều chỉnh biên chế tương ứng với nhiệm vụ được chuyển giao, cụ thể như sau.

- Số biên chế tạm giao năm 2026: **2.534** chỉ tiêu;

- Số biên chế có mặt thời điểm 15/9/2026: **1.996** người;

- Số biên chế phải giảm so với số hiện có: **11** chỉ tiêu, gồm:

+ Giảm số công chức nghỉ hưu đúng tuổi: **04** chỉ tiêu (các sở: Tài chính: 01, Công Thương: 01, Giáo dục và Đào tạo: 01, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ : 01);

+ Giảm số lượng công chức có mặt đối với sở ngành hợp nhất 02 cơ quan trước thời điểm hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh: **04** chỉ tiêu (Sở Xây dựng: **02** chỉ tiêu, Sở Nông nghiệp và Môi trường: **02** chỉ tiêu)

- Điều chỉnh giảm **03** chỉ tiêu đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường do chuyển giao chức năng về quản lý nhà nước về địa chất và khoáng.

- Số biên chế bổ sung so với số hiện có: **09** chỉ tiêu, gồm:

+ **04** chỉ tiêu đối với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố để bổ sung nhân lực thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc Đảng ủy HĐND thành phố sau khi được thành lập Đảng bộ Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Thành ủy.

+ **02** chỉ tiêu đối với Văn phòng UBND thành phố nhằm bảo đảm phù hợp với cơ cấu lãnh đạo UBND thành phố được cấp có thẩm quyền phê chuẩn sau hợp nhất, đồng thời đáp ứng yêu cầu tham mưu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

+ **03** chỉ tiêu đối với Sở Công Thương do tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản từ Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Số biên chế dự kiến giao năm 2026: **1.994** chỉ tiêu, giảm **540** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026, giảm **02** chỉ tiêu so với số có mặt

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

1.2. Đối với cấp xã

- Số biên chế tạm giao năm 2026: **6.056** chỉ tiêu

- Số biên chế có mặt thời điểm 15/9/2026: **5.163** người;

- Số biên dự kiến giao năm 2026: **5.138** chỉ tiêu, giảm **918** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026, bằng đúng định mức cán bộ, công chức của từng xã, phường, giảm **25** chỉ tiêu so với số biên chế có mặt.

Việc giao biên chế bằng đúng định mức cán bộ, công chức của từng xã, phường (đối với xã, phường có số biên chế có mặt cao hơn định mức, sẽ thực hiện điều chuyển sang cơ quan, đơn vị, địa phương còn chỉ tiêu biên chế).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

2.1. Đối với viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước

- Số viên chức tạm giao năm 2026: **64.331** chỉ tiêu;

- Số viên chức có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **60.727** người**;**

- Tổng số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phân bổ năm 2026: **61.125** chỉ tiêu. Trong đó:

+ Số viên chức dự kiến giao trực tiếp cho các đơn vị: **61.119** chỉ tiêu, giảm **3.212** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026;

+ Dự phòng: **06** chỉ tiêu để thu hút nhân lực và thực hiện phương án chuyển công chức sang làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2.1.1. Đối với cấp thành phố

- Số biên chế tạm giao năm 2026: **11.767** chỉ tiêu;

- Số biên chế có mặt tại thời điểm 15/9/2026: **11.176** chỉ tiêu;

- Số biên chế dự kiến giao cho các đơn vị năm 2026: **11.268** chỉ tiêu, giảm **499** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

Biên chế đề xuất giao cho các đơn vị được xác định trên cơ sở **11.176** biên chế có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026 và phân bổ lại **92** chỉ tiêu đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế, đơn vị sự nghiệp công lập khác; Cụ thể:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục: Phân bổ **79** chỉ tiêu trên cơ sở số biên chế hiện có, quy mô lớp, học sinh năm học 2026- 2027, xem xét giao bổ sung biên chế đối với các cơ sở giáo dục có quy mô lớp năm học 2026-2027 tăng và còn thiếu nhiều biên chế. Đồng thời xem xét giao biên chế đối với trường TH, THCS& THPT Herman (đổi tên thành trường Tiểu học, THCS và THPT Hoàng Thế Thiện) do tiếp nhận từ Làng trẻ em SOS Việt Nam (trước đó chưa được giao biên chế). Cụ thể:

+ Giao biên chế đối với trường TH, THCS& THPT Herman (TH, THCS& THPT Hoàng Thế Thiện): **40** chỉ tiêu (trên cơ sở 39 người có mặt và bổ sung thêm 01 chỉ tiêu đối với vị trí nhân viên y tế).

+ Giao bổ sung trên cơ sở số có mặt đối với các các trường THPT tăng quy lớp năm học 2026-2027 và các trường còn thiếu lãnh đạo quản lý, nhân viên: **39** chỉ tiêu.

- Đối với đơn vị sự nghiệp y tế: Phân bổ **10** chỉ tiêu trên cơ sở số biên chế hiện có xem xét bổ sung đối với các đơn vị hiện tại còn thiếu nhiều biên chế so với định mức quy định.

- Đối với đơn vị sự nghiệp khác: Phân bổ **03** chỉ tiêu đối với các đơn vị sự nghiệp khác. Cụ thể:

+ Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố: 01 chỉ tiêu để bảo đảm các công việc cấp thiết đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

+ Cổng Thông tin điện tử thành phố: 01 chỉ tiêu để thực hiện nhiệm vụ đột xuất, phức tạp (đối với việc quản trị vận hành hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ của Thành ủy và nhiệm vụ của Nghị quyết 11);

+ Trung tâm Điều dưỡng Người có công Hải Phòng: 01 chỉ tiêu để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về Trung tâm (01 bác sĩ).

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.1.2. Đối với cấp xã

- Tổng số người làm việc tạm giao năm 2026: **52.564** chỉ tiêu.

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **49.551** người.

- Tổng số viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước cấp xã đề xuất giao năm 2026 là: **49.851** chỉ tiêu; gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở): **46.012** chỉ tiêu.

+ Trạm y tế cấp xã: **2.995** chỉ tiêu.

+ Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công và sự nghiệp đặc thù khác: **844** chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

2.2. Đối với số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp

- Tổng số người làm việc tạm giao năm 2026: **7.545** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **4.433** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **6.938** chỉ tiêu, giảm **607** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

2.1.1. Đối với cấp thành phố

- Tổng số người làm việc tạm giao năm 2026: **7.325** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **4.302** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **6.765** chỉ tiêu, giảm **560** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.1.2. Đối với cấp xã

- Tổng số người làm việc tạm giao năm 2026: **220** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **131** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **173** chỉ tiêu, giảm 47 chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

3. Hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

Trên cơ sở số hợp đồng đã tạm giao, tình hình sử dụng thực tế, số biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được giao, mức độ tự chủ tài chính và nhu cầu nhân lực của từng đơn vị, đề xuất số lượng hợp đồng thực hiện công việc năm 2026 như sau:

3.1. Hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước

- Tổng số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026: **5.586** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **2.715** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **8.252** chỉ tiêu, tăng **2.666** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

3.1.1. Đối với cấp thành phố

- Tổng số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026: **739** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **157** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **1.354** chỉ tiêu, tăng **615** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3.1.2. Đối với cấp xã

- Tổng số hợp đồng lao động tạm giao năm 2026: **4.847** chỉ tiêu;

- Số có mặt tính đến thời điểm 15/9/2026: **2.558** chỉ tiêu;

- Số đề xuất giao năm 2026: **6.898** chỉ tiêu, tăng **2.051** chỉ tiêu so với số tạm giao năm 2026.

3.2. Hợp đồng lao động hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp

Trên cơ sở mức độ tự chủ tài chính, định mức số lượng người làm việc, nhu cầu nhân lực và khả năng bảo đảm kinh phí của từng đơn vị, đề xuất giao năm 2026: **702** chỉ tiêu. Trong đó:

- Cấp thành phố: **612** chỉ tiêu;

- Cấp xã: **90** chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

VII. ĐỀ NGHỊ

Đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2026, cụ thể như sau:

1. Biên chế cán bộ, công chức: **7.132** chỉ tiêu. Trong đó: cấp thành phố: **1.994** chỉ tiêu (bao gồm: **1.991** chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức; **03** chỉ tiêu biên chế phục vụ); cấp xã: **5.138** chỉ tiêu.

2. Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **61.125** chỉ tiêu (cấp thành phố: **11.268** chỉ tiêu; cấp xã: **49.851** chỉ tiêu; biên chế dự phòng: **06** chỉ tiêu).

3. Hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước**: 8.252** chỉ tiêu (cấp thành phố: **1.354** chỉ tiêu; cấp xã: **6.898** chỉ tiêu)

Trên đây là Tờ trình giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của thành phố năm 2026. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước của thành phố năm 2026.

(Xin gửi kèm theo hồ sơ trình và dự thảo Nghị quyết về giao biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước thành phố năm 2026)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTTU;
- TT H ĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- VP TU, VPĐĐBQH&HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- Đại biểu H ĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: NVKTGS, TH;
- Lưu: VT, P.T.Nguyệt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Trọng Đức